

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Độ.

2. Bà Đoàn Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2018 về việc xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C - Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị K - Sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh C. Vắng mặt chị K (mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Anh và chị Vũ Thị K đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên từ tháng 9/2014 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Minh Q - Sinh ngày 09/01/2003 và Phạm Công V - Sinh ngày 14/5/2008. Anh đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2018, ông Vũ Đức K (là bố đẻ của chị Vũ Thị K) cung cấp như sau:

Chị Vũ Thị K biết việc anh Phạm Văn C có đơn xin ly hôn và đã nhận được các giấy tờ của Tòa án nhưng do bận công việc nên chị không đến Tòa án làm việc và có quan điểm như sau: Chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau do tình cảm không còn, nay anh C có đơn xin hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Minh Q - Sinh ngày 09/01/2003 và Phạm Công V - Sinh ngày 14/5/2008 và chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh C: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn C. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi 02 con chung của anh C. Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị K nhưng chị K vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị K là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Anh Phạm Văn C và chị Vũ Thị K đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2002 tại UBND xã T, huyện T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, quan điểm và cách sống không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh C và chị K đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh C xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Minh Q - Sinh ngày 09/01/2003 và Phạm Công V - Sinh ngày 14/5/2008.

Xét yêu cầu của anh C về việc anh nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì thấy rằng: Chị K vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Việc anh C nhận nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho anh Phạm Văn C ly hôn chị Vũ Thị K.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn C nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Minh Q - Sinh ngày 09/01/2003 và Phạm Công V - Sinh ngày 14/5/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Anh Phạm Văn C nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 04691 ngày 13/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày: Anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án; Chị Vũ Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Mạnh